

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH KHÁNH HÒA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 1726/QĐ-UBND

Khánh Hòa, ngày 24 tháng 7 năm 2023

**QUYẾT ĐỊNH**

**Ban hành Bộ chỉ số đánh giá chuyển đổi số các cơ quan, địa phương  
trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KHÁNH HÒA**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;*

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;*

*Căn cứ Luật Công nghệ thông tin ngày 29/6/2006;*

*Căn cứ Nghị định số 64/2007/NĐ-CP ngày 10/4/2007 của Chính phủ về việc ứng dụng Công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước;*

*Căn cứ Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt “Chương trình Chuyển đổi số Quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030”;*

*Căn cứ Quyết định số 922/QĐ-BTTTT ngày 20/5/2022 của Bộ Thông tin và Truyền thông phê duyệt Đề án “Xác định bộ chỉ số đánh giá chuyển đổi số của các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và của quốc gia”;*

*Căn cứ Nghị quyết số 16-NQ/TU ngày 19/10/2021 của Tỉnh ủy về chuyển đổi số tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030;*

*Căn cứ Quyết định số 909/QĐ-UBND ngày 04/4/2022 của UBND tỉnh ban hành Kế hoạch chuyển đổi số tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030;*

*Theo đề nghị của Sở Thông tin và Truyền thông tại Tờ trình số 2025/TTr-STTTT ngày 30/6/2023.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Bộ chỉ số đánh giá chuyển đổi số các cơ quan, địa phương trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa với các nội dung chính sau:

## I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU, PHẠM VI VÀ ĐỐI TƯỢNG

### 1. Mục đích

a) Theo dõi, đánh giá được kết quả thực hiện chuyển đổi số hàng năm tại các cơ quan, địa phương; giúp các cơ quan, địa phương nhìn nhận được mức độ chuyển đổi số tại đơn vị mình để thấy được điểm mạnh cần phát huy, điểm yếu cần khắc phục và thực hiện các giải pháp phù hợp nhằm hoàn thành các mục tiêu thực hiện chương trình chuyển đổi số của tỉnh.

b) Nâng cao vai trò, trách nhiệm của lãnh đạo, cán bộ, công chức, viên chức tại các cơ quan, địa phương trong công tác chuyển đổi số; góp phần hoàn thành các mục tiêu, nhiệm vụ về chuyển đổi số tại Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ, Bộ chỉ số chuyển đổi số cấp Bộ, cấp Tỉnh của Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành tại Quyết định số 922/QĐ-BTTTT ngày 20/5/2022 và Nghị quyết số 16/NQ-TU ngày 19/10/2021 của Tỉnh ủy Khánh Hòa.

### 2. Yêu cầu

a) Bộ chỉ số phải bảo đảm tính khả thi, phù hợp với đặc điểm, điều kiện thực tế và đánh giá thực chất, khách quan kết quả triển khai chuyển đổi số hàng năm của các cơ quan, địa phương.

b) Bộ chỉ số này có tính mở và được cập nhật, phát triển phù hợp với tình hình thực tiễn.

### 3. Phạm vi và đối tượng áp dụng

a) Phạm vi điều chỉnh

Bộ chỉ số đánh giá kết quả thực hiện chuyển đổi số của các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh.

b) Đối tượng áp dụng

- Các sở, ban, ngành thuộc tỉnh;
- Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố.

## II. NỘI DUNG BỘ CHỈ SỐ

### 1. Bộ chỉ số đánh giá

a) Bộ chỉ số chuyển đổi số cấp sở: Gồm 07 nhóm chỉ số thành phần: Nhận thức số; Thể chế số; Hạ tầng số; Nhân lực số; An toàn, an ninh mạng; Chính quyền số; Chi ngân sách cho chuyển đổi số. Mỗi nhóm chỉ số thành phần có các tiêu chí và tiêu chí con.

*(Chi tiết chỉ số chuyển đổi số cấp sở tại Phụ lục I kèm theo Quyết định này).*

b) Bộ chỉ số chuyển đổi các lĩnh vực ưu tiên: Du lịch, Nông nghiệp, Tài nguyên và Môi trường, Giao thông vận tải, Giáo dục đào tạo, Y tế.

*(Chi tiết chỉ số chuyển đổi số các lĩnh vực ưu tiên tại Phụ lục II kèm theo Quyết định này).*

c) Bộ chỉ số chuyển đổi số cấp huyện: Gồm 10 nhóm chỉ số thành phần: Nhận thức số; Thể chế số; Hạ tầng số, dữ liệu số; Nhân lực số; An toàn, an ninh mạng; Tuyên truyền, phổ biến, tập huấn về chuyển đổi số; Chính quyền số; Kinh tế số; Xã hội số; Chi ngân sách cho chuyển đổi số. Mỗi nhóm chỉ số thành phần có các tiêu chí và tiêu chí con.

*(Chi tiết chỉ số chuyển đổi số cấp huyện tại Phụ lục III kèm theo Quyết định này).*

## **2. Thang điểm, phương pháp, trình tự, thời gian đánh giá**

a) Thang điểm đánh giá

- Đối với các sở, ban, ngành: Điểm đánh giá được tính như sau:

$$D = (A+B) * T / (T + C)$$

*Trong đó:*

*A: Kết quả chấm điểm của các sở, ban, ngành;*

*B: Kết quả chấm điểm từ lĩnh vực ưu tiên của các sở, ngành (nếu có);*

*T: Điểm tối đa Bộ chỉ số cấp sở;*

*C: Tổng điểm tối đa lĩnh vực ưu tiên.*

- Đối với các huyện: Điểm đánh giá là tổng điểm các chỉ tiêu đạt được.

- Xếp hạng các cơ quan, địa phương được theo thứ tự từ cao đến thấp.

b) Phương pháp đánh giá

- Căn cứ thang điểm chuẩn của từng chỉ số, các cơ quan đánh giá kết quả thực hiện để tự chấm điểm theo mức độ hoàn thành công việc. Mức điểm cho mỗi chỉ số là điểm tối đa khi đáp ứng toàn bộ yêu cầu của chỉ số đó và giảm trừ tương ứng theo mức độ thực hiện công việc, nhiệm vụ.

- Việc tự đánh giá, chấm điểm của cơ quan bắt buộc phải có các tài liệu kiểm chứng kèm theo để xác định mức độ tin cậy của việc đánh giá, chấm điểm. Đối với các chỉ số, chỉ số thành phần không có tài liệu kiểm chứng hoặc tài liệu kiểm chứng chưa thể hiện hết nội dung đánh giá, chấm điểm, cơ quan phải có giải thích cụ thể bằng văn bản về cách thức đánh giá, tính điểm.

c) Trình tự, thời gian đánh giá

- Tự đánh giá của các cơ quan

+ Quý IV hằng năm, Sở Thông tin và Truyền thông ban hành văn bản hướng dẫn việc đánh giá Bộ chỉ số chuyển đổi số tại các cơ quan, địa phương trên địa bàn tỉnh.

+ Trên cơ sở văn bản của Sở Thông tin và Truyền thông, các cơ quan, địa phương tự tiến hành đánh giá mức độ chuyển đổi số theo Bộ chỉ số ban hành tại Quyết định này. Số liệu đánh giá được tính theo thời điểm từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12 của năm đánh giá.

*- Đánh giá của Sở Thông tin và Truyền thông, Tổ giúp việc, Hội đồng thẩm định kết quả chuyển đổi số tỉnh*

Sở Thông tin và Truyền thông phối hợp với Tổ giúp việc sẽ thực hiện đánh giá sơ bộ điểm tự đánh giá của các cơ quan. Các thành viên Hội đồng thẩm định kết quả chuyển đổi số tỉnh thực hiện thẩm định để xem xét, công nhận hoặc điều chỉnh kết quả đánh giá của các cơ quan.

*- Công bố kết quả đánh giá Chỉ số chuyển đổi số*

+ Việc công bố kết quả đánh giá do Sở Thông tin và Truyền thông tổng hợp và tham mưu cho Hội đồng thẩm định kết quả chuyển đổi số tỉnh công bố trong quý I của năm liền kề sau năm đánh giá.

+ Hội đồng thẩm định kết quả chuyển đổi số tỉnh bao gồm: Lãnh đạo Sở Thông tin và Truyền thông làm Chủ tịch Hội đồng, Lãnh đạo Văn phòng UBND tỉnh làm Phó Chủ tịch Hội đồng, Lãnh đạo Sở Giáo dục và Đào tạo, Lãnh đạo Sở Tài chính, Lãnh đạo Sở Kế hoạch và Đầu tư, Lãnh đạo Sở Nội vụ...

+ Tổ giúp việc Hội đồng thẩm định do Chủ tịch Hội đồng thẩm định quyết định thành lập, bao gồm thành viên của các cơ quan liên quan và thành viên thuộc Sở Thông tin và Truyền thông. Nhiệm vụ của Tổ giúp việc cho Chủ tịch Hội đồng thẩm định quy định.

### **III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

#### **1. Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố**

a) Thực hiện đánh giá mức độ chuyển đổi số chính xác theo đúng mẫu và thời gian quy định.

b) Tạo điều kiện để Hội đồng thẩm định, Tổ giúp việc và Sở Thông tin và Truyền thông trong quá trình thẩm định số liệu do cơ quan cung cấp.

c) Chủ tịch UBND cấp huyện chỉ đạo ban hành tiêu chí đánh giá mức độ chuyển đổi số tại địa phương; tổ chức thực hiện công tác đánh giá mức độ chuyển đổi số đối với các phòng, ban, đơn vị trực thuộc và UBND cấp xã, hoàn thành trước ngày 31 tháng 12 hàng năm để tổng hợp vào kết quả chung của huyện.

#### **2. Sở Thông tin và Truyền thông**

a) Chủ trì tổ chức triển khai, hướng dẫn việc đánh giá mức độ chuyển đổi số của các cơ quan, địa phương định kỳ hàng năm; theo dõi, kiểm tra việc triển khai, thực hiện Quyết định này.

b) Tổ chức kiểm tra xác thực số liệu, phân tích đánh giá, tham mưu cho Chủ tịch Hội đồng thẩm định quyết định công bố kết quả đánh giá.

c) Xây dựng dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ này đưa vào kế hoạch ngân sách chi hàng năm của Sở Thông tin và Truyền thông báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét phê duyệt.

d) Định kỳ rà soát và tham mưu UBND tỉnh sửa đổi, bổ sung các tiêu chí, chỉ số thành phần cho phù hợp với thực tiễn trên cơ sở tổng kết thực tế triển khai đánh giá mức độ chuyển đổi số và đề xuất của các cơ quan, địa phương.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 1278/QĐ-CTUBND ngày 04/6/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh ban hành Quy định đánh giá, xếp hạng mức độ ứng dụng công nghệ thông tin của các cơ quan, đơn vị, địa phương trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3 (VBĐT);
- Bộ TT&TT (b/cáo);
- TT. Tỉnh ủy; TT.HĐND tỉnh;
- Các thành viên BCĐ CDS tỉnh;
- Công TTĐT tỉnh;
- Lãnh đạo Văn phòng UBND tỉnh;
- Lưu: VT, ĐL, LH, TNT.

**CHỦ TỊCH**



*Nguyễn Tấn Tuân*

**Nguyễn Tấn Tuân**

**Phụ lục I**  
**BỘ CHỈ SỐ CHUYỂN ĐỔI SỐ CẤP SỞ**  
(Kèm theo Quyết định số 1726/QĐ-UBND ngày 24/7/2023  
của Chủ tịch UBND tỉnh Khánh Hòa)

**1. Thông tin chung**

TT	Nội dung	Số liệu
1	Tên cơ quan	
2	Số lượng đơn vị trực thuộc	
3	Số lượng CBCC	
4	Số lượng viên chức	
5	Số lượng công chức chuyên trách CNTT/ATTT, chuyển đổi số tại cơ quan	
6	Số lượng viên chức chuyên trách CNTT/ATTT, chuyển đổi số tại các đơn vị trực thuộc	
7	Số lượng viên chức kiêm nhiệm CNTT/ATTT, chuyển đổi số tại các đơn vị trực thuộc	
8	Số lượng máy chủ vật lý	
9	Số lượng máy trạm (máy bàn và máy tính xách tay) tại cơ quan	
10	Số lượng máy trạm (máy bàn và máy tính xách tay) tại các đơn vị trực thuộc	
11	Số lượng CSDL, hệ thống thông tin do cơ quan làm chủ quản	
12	Số lượng doanh nghiệp thuộc phạm vi quản lý	
13	Số lượng doanh nghiệp nhỏ và vừa thuộc phạm vi quản lý	
14	Tổng chi ngân sách nhà nước trong năm	
15	Số lượng DVC	
16	Số lượng DVCTT toàn trình	
17	Số lượng TDVCTT một phần	
18	Đầu mối liên hệ (Họ và tên, chức vụ, bộ phận công tác)	
19	Số điện thoại	